

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/DS-PT
Ngày 12 tháng 7 năm 2019
"V/v tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu
chia tài sản chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Chung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vĩnh Thành và ông Trần Văn Thái

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2019/TLPT- DS ngày 19 tháng 3 năm 2019, về việc “tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu chia tài sản chung”. Do Bản án số: 02/2019/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐ- PT ngày 16 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Cụ Đinh Thị N (có họ khác là Trần Thị N), sinh năm 1941; ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1961; cùng địa chỉ: Thôn H, xã H1, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; người đại diện theo ủy quyền của cụ N, ông Y: Ông Trần Văn L; địa chỉ: Số 14, đường N, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (Theo giấy ủy quyền ngày 04 tháng 4 năm 2018 và ngày 09 tháng 4 năm 2018). (có mặt).

2. ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Minh P, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn H, xã H1, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt); Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông P: Ông Vũ Đình T và ông Lê Ngọc L, Luật sư thuộc Công ty Luật hợp danh H, Đoàn luật sư tỉnh Phú Thọ (có mặt).

3. ***Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

3.1 Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn H, xã H1, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc;

3.2 Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn C, xã H1, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc;

3.3 Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc;

Người đại diện theo ủy quyền của bà M, bà H, bà L: Ông Trần Văn L; địa chỉ: Số 14, đường N, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (Theo giấy ủy quyền ngày 04 tháng 4 năm 2018) (có mặt).

3.4 Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn H, xã H1, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

3.5 Văn phòng công chứng K; Người đại diện: Ông Nguyễn Kim B - Trưởng Văn phòng công chứng K; địa chỉ: Số 10, thôn Đ, xã H3, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

4. **Người kháng cáo:** Bị đơn ông Nguyễn Minh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 4 năm 2018 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn cụ Đinh Thị N (có họ khác là Trần Thị N) và ông Nguyễn Văn Y cùng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Văn L trình bày:

Cụ Đinh Thị N (có họ khác là Trần Thị N) có chồng là cụ Nguyễn Văn M (cụ M chết năm 2015). Vợ chồng cụ có 05 người con chung gồm: Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Y, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Minh P; hai cụ không có con riêng, không có con nuôi. Quá trình chung sống vợ chồng có tạo lập được khối tài sản là 1.415m² đất tại thửa số 258, tờ bản đồ số 12 địa chỉ tại thôn H, xã H1, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Ngày 03 tháng 7 năm 2014, cụ M, cụ N có lập di chúc định đoạt tài sản tại Văn phòng công chứng K, huyện Tam Đảo định đoạt chia toàn bộ diện tích đất nêu trên cho 05 người con. Đến ngày 27 tháng 3 năm 2018, cụ N có đơn đề nghị Văn phòng công chứng K sửa đổi di chúc nêu trên như sau: Cụ M được hưởng 50% diện tích đất tương ứng: 707,5m², trong đó có 150m² đất ở còn lại là đất vườn; cụ N được hưởng 50% diện tích đất tương ứng: 707,5m², trong đó có 150m² đất ở còn lại là đất vườn. Từ năm 1992 đến năm 2016 cụ N sinh sống trên đất cùng ông P là con trai nhưng sau đó ông P xúc phạm đui cụ N nên cụ N không sống cùng ông P nữa. Hiện ông P đang quản lý sử dụng toàn bộ thửa đất của cụ N và cụ M. Nay tuổi đã cao nên cần có tiền để trang trải cuộc sống, không phụ thuộc vào các con nên cụ N yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất theo số liệu đo đạc thực tế ngày 24 tháng 9 năm 2018 là 1448 m² (trong đó có 300 m² đất thổ cư, còn lại là đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 258, tờ bản đồ số 12 tại thôn H, xã H1, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, cụ xin hưởng ½ diện tích đất cùng tài sản cây cối lâm lộc trên đất. Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ M khi chết để lại cho 5 người con gồm: Bà L, ông Y, bà H, bà M và ông P nay cụ N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn cụ N và ông Y xin rút phần yêu cầu khởi kiện về việc chia di sản thừa kế của cụ M khi chết để lại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Vũ Đình T và bị đơn ông P trình bày:

Ông không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về việc chia tài sản chung và chia thừa kế theo di chúc đối với quyền sử dụng 1.415m² đất tại thửa số 258, tờ bản đồ số 12 tại thôn H, xã H1, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì khi bố ông còn sống đã cho ông toàn bộ diện tích đất trên từ năm 1993.

Về nguồn gốc của thửa đất đang tranh chấp là đất ông cha để lại vì năm 1993 bố ông và ông đã đổi thửa đất của ông cha ở trong làng H với anh chị H, T để lấy thửa đất hiện nay đang có tranh chấp, sau khi đổi thì bố mẹ ông, ông và vợ con ông ở trên đất này từ năm 1993 đến năm 2015 bố ông chết, sau khi bố ông chết thì vợ chồng con cái và mẹ ông tiếp tục quản lý và sử dụng thửa đất đổi này, đến cuối năm 2016 thì mẹ ông chuyển sang nhà ông Y để sống từ đó đến nay, còn các anh chị em ruột của ông đã đi lấy chồng và có chỗ ở riêng nơi khác. Ông đã xây tường bao loan, công trình trên đất, trồng cây, nộp thuế hàng năm, trên thửa đất này. Nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung là không phù hợp vì toàn bộ đất này bố mẹ ông đã cho riêng ông từ năm 1993 và ông đã sử dụng ổn định từ đó cho đến nay. Việc cho chỉ nói cho chứ không có văn bản giấy tờ gì.

Nay theo như chứng minh thư, sổ hộ khẩu thì mẹ ông là Trần Thị N chứ không phải là Đinh Thị N nên người đứng đơn khởi kiện Đinh Thị N là không phù hợp nên ông không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra ông P không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V (vợ ông P) trình bày và xác nhận: Toàn bộ lời trình bày của ông P là đúng, ý kiến của bà như ý kiến ông P đã trình bày nên không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L do người đại diện theo ủy quyền ông Trần Văn L trình bày: Việc trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc diện tích đất 1.415m² đất tại thửa số 258, tờ bản đồ số 12 tại thôn H, xã H1, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, hiện do ông P là con trai thứ 5 của hai cụ đã xây nhà trên một phần diện tích đất trên và đang sử dụng toàn bộ diện tích đất là đúng. Năm 2015 cụ M chết, sau khi cụ M chết cuối năm 2016 ông P đối xử tệ bạc với cụ N nên cụ N phải sang ở với ông Y. Nay đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung của cụ N và cụ M theo quy định của pháp luật. Đồng ý đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan Văn phòng công chứng K do người đại diện trình bày: Ngày 03 tháng 7 năm 2014, Văn phòng công chứng K nhận được yêu cầu của gia đình cụ M, cụ N về việc lập di chúc và công chứng di chúc của hai cụ. Sau khi yêu cầu cung cấp toàn bộ tài liệu, chứng cứ, giấy tờ L quan đến tài sản chung của cụ M, cụ N và đề nghị lập di chúc, thì Văn phòng đã tiến hành thủ tục lập di chúc và công chứng di chúc theo quy định của pháp luật. Sau khi hoàn thiện thủ tục công chứng thì Văn phòng lưu hồ sơ công chứng theo quy định và trả lại văn bản di chúc đã công chứng cho gia đình.

Đến ngày 27 tháng 3 năm 2018, văn phòng Công chứng có nhận được yêu cầu của cụ N về việc sửa đổi, bổ sung di chúc đối với phần tài sản của cụ N trong khối tài sản chung với cụ M (trước đây đã lập di chúc cùng với cụ M ngày 03 tháng 7 năm 2014) việc cụ N lập văn bản sửa đổi, bổ sung di chúc là hoàn toàn tự nguyện, vì vậy Văn phòng đã lập văn bản sửa đổi, bổ sung di chúc và công chứng theo quy định của pháp luật.

Với nội dung trên, tại Bản án số: 02/2019/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên đã áp dụng các Điều 219, 646, 663, 664 Bộ luật dân sự năm 2005; 213, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1, khoản 2 Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 203 Luật đất đai 2013; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia tài sản chung của cụ Đình Thị N (có họ khác Trần Thị N) và ông Nguyễn Văn M với tổng diện tích đất là 1448 m² (trong đó có 300 m² đất thổ cư và 1.148 m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 258, tờ bản đồ số 12 tại thôn H, xã H1, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Chia cho cụ Đình Thị N (có họ khác Trần Thị N) được sử dụng 724 m² đất cùng các tài sản và cây cối lâm lộc trên đất (trong đó có 150 m² đất thổ cư, 574 m² đất đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 258, tờ bản đồ số 12 ở thôn H, xã H1, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc theo hình ABCDA (có sơ đồ kèm theo); có các chiều cạnh cụ thể như sau: AB=35,45m; AD=19,54m; DC=33,14m; CB=22,81m.

Bản án còn giải quyết án phí, quyền yêu cầu thi hành án, kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

Ngày 31/01/2019, bị đơn ông Nguyễn Minh P kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và xuất trình thêm một số tài liệu như sau: Quyết định số 1080/QĐ-UB ngày 18/12/2002 của UBND huyện Bình Xuyên về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; danh sách các hộ đủ điều kiện

cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở; Đơn đề nghị chia thừa kế của cụ Nguyễn Thị C, cụ Nguyễn Văn C1, cụ Nguyễn Thị A gửi Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc; Đơn xác nhận; Giấy ủy quyền của cụ Nguyễn Thị C, cụ Nguyễn Văn C1, cụ Nguyễn Thị A ủy quyền cho ông Nguyễn Minh P; Giấy chứng minh thư của cụ Nguyễn Thị C, cụ Nguyễn Văn C1, cụ Nguyễn Thị A (bản phô tô).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết đơn kháng cáo: Không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của ông P, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Nguyễn Minh P kháng cáo không đồng ý Bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án, nhận thấy:

Cụ Nguyễn Văn M và cụ Đinh Thị N (có họ khác Trần Thị N) là vợ chồng có tạo lập được 1.415m² đất tại thửa số 258, tờ bản đồ số 12 tại thôn H, xã H1, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Khi cụ M còn sống, ngày 03 tháng 7 năm 2014 cụ M và cụ N có lập di chúc chung của vợ chồng để định đoạt khối tài sản 1.415m² đất, di chúc có công chứng, chứng thực. Sau khi cụ M chết, ngày 27 tháng 3 năm 2018, cụ N đã sửa đổi bổ sung di chúc để định đoạt đối với phần tài sản của mình.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn cụ N và ông Y rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia di sản thừa kế. Các ý kiến trình bày của ông P và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho rằng không biết nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia di sản thừa kế đối với phần tài sản của cụ Nguyễn Văn M nên vẫn trình bày, phân tích, đánh giá tính hợp pháp của bản Di chúc và cho rằng Di chúc này không hợp pháp. Xem xét biên bản phiên tòa ngày 24 tháng 01 năm 2019 cũng như bài phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện B, thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có thật (Bút lục 224). Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét tính hợp pháp của bản Di chúc trong phần di sản thừa kế của cụ M là đúng quy định pháp luật.

[2] Ông Nguyễn Minh P và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông P cho rằng mẹ ông P là Trần Thị N chứ không phải là Đinh Thị N, nên người khởi kiện Đinh Thị N là không đúng nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người có họ Đinh Thị N.

Xem xét vấn đề này, thấy rằng: Tòa cấp sơ thẩm đã xác minh tại địa phương thì người có họ là Trần Thị N và người có họ Đinh Thị N là cùng một người, ông P cũng khẳng định người trong ảnh tại đơn xin xác nhận ngày 17 tháng 01 năm 2019 và ảnh chụp năm 2009 là mẹ đẻ của ông. Đối chiếu với các tài liệu do Tòa án xác minh, nguyên đơn và bị đơn cung cấp có đủ cơ sở xác định cụ Đinh Thị N còn có họ khác là Trần Thị N nên người đứng đơn khởi kiện Đinh Thị N là phù hợp. Tòa cấp sơ thẩm ghi: “Bà Đinh Thị N (tên gọi khác Trần Thị N) là không chính xác vì tên của cụ N chỉ có một mà cụ N có hai họ mới đúng (Bút lục 237). Mặt khác, nguyên đơn và bị đơn có quan hệ là mẹ con nên trong trường hợp này không nên sử dụng cụm từ: Nguyên đơn bà N, bị đơn ông P. Tòa cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cách xưng hô nêu trên cho phù hợp.

[3] Ngoài ra, ông P cho rằng toàn bộ diện tích đất 1.415m² tại thửa số 258, tờ bản đồ số 12 tại thôn H, xã H1, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc là của ông P vì cụ M bố ông đã cho ông toàn bộ diện tích đất từ năm 1993, ông đã sinh sống trên đất cùng cụ M, cụ N và đóng thuế đất hàng năm nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của cụ N. Tòa cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá việc này và xác định ông P không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh là đã được cụ M, cụ N cho toàn bộ diện tích đất này là đúng.

[4] Tòa cấp sơ thẩm xác minh tại địa P và sổ sách lưu tại địa P thì ông P không đến địa phương để đăng ký quyền sở hữu của mình theo quy định của pháp luật về đất đai. Đến năm 2014 cụ M và cụ N đã làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với toàn bộ diện tích đất trên và địa P đã tiến hành làm hồ sơ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đất nằm trong diện quy hoạch nên không làm thủ tục cấp giấy chứng nhận cho được. Nay diện tích đất của cụ M, cụ N không nằm trong diện quy hoạch nữa (đã có văn bản dừng của cấp có thẩm quyền). Qua số liệu do đặc thực tế thì diện tích đất đang có tranh chấp là 1448 m². Qua xác minh tại địa P phần đất tăng thêm 33 m² là do cách đo đạc dẫn đến sai số, không lấn chiếm. Diện tích đất này các bên sử dụng ổn định từ năm 1992 cho đến nay. Mặc dù diện tích đất của cụ N, cụ M chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng theo địa P cung cấp thì đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cụ M, cụ N.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định toàn bộ diện tích đất 1448 m² đất tại thửa số 258, tờ bản đồ số 12 tại thôn H, xã H1, huyện B là tài sản chung của cụ M, cụ N được hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Theo quy định của pháp luật vợ chồng đều có quyền ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt và có quyền yêu cầu chia tài sản chung là đúng quy định của pháp luật.

[5] Phần đất còn lại 724 m² (Trong đó có 150 m² đất thổ cư, còn lại là đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 258, tờ bản đồ số 12 tại thôn H, xã H1, huyện B là của cụ M; cụ M đã chết năm 2015 nên là di sản thừa kế của cụ M khi chết để lại.

Hiện phần đất của cụ M do ông P là con trai ông M, bà N đã làm nhà trên đất và đang quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất. Do các đương sự không yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ M khi chết để lại nên Tòa sơ thẩm không xem xét giải quyết đối với phần đất này là phù hợp. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận quan điểm của Luật sư cũng như yêu cầu kháng cáo của ông P. Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Giữ nguyên Bản án số: 02/2019/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên;

Áp dụng các Điều 219, 646, 663, 664 Bộ luật dân sự năm 2005; 213, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1, khoản 2 Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 203 Luật đất đai 2013; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia tài sản chung của cụ Đình Thị N (có họ khác là Trần Thị N) và cụ Nguyễn Văn M với tổng diện tích đất là 1448 m² (trong đó có 300 m² đất thổ cư và 1.148 m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 258, tờ bản đồ số 12 tại thôn H, xã H1, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

[2]. Chia cho cụ Đình Thị N (có họ khác là Trần Thị N) được sử dụng 724 m² đất cùng các tài sản và cây cối lâm lộc trên đất (trong đó có 150 m² đất thổ cư, 574 m² đất đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 258, tờ bản đồ số 12 ở thôn H, xã H1, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc theo hình ABCDA (có sơ đồ kèm theo); có các chiều cạnh cụ thể như sau: AB=35,45m; AD=19,54m; DC=33,14m; CB=22,81m.

[3]. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia di sản thừa kế.

[4]. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Văn Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 350.000 đồng, theo biên lai số AA/2016/0002667 ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn P phải chịu 300.000đ

nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng, theo biên lai số AA/2017/0003294 ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên. Ông Nguyễn Văn P đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THA DS huyện Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP. Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Văn Chung